

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

Bản án số: 15/2023/HS-ST.

Ngày: 15/02/2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phúc và bà Nguyễn Thị Sương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2023/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03/01/2023 đối với bị cáo:

Thái Thị Hoàn L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/10/1996 tại Kon Tum; HKTT: 42 Tô Hiến Thành, tổ 08, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Thái Văn B (Đã chết) và bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1968; Bị cáo chưa có chồng con; Gia đình bị cáo có 04 chị em; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2022, đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Hẻm 526 Phạm Văn Đồng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Hẻm 526 Phạm Văn Đồng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K.

2. Anh Lê Anh T, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Văn Linh, phường Lê Lợi, thành phố K, tỉnh K.

3. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: 148 Lê Lợi, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.

4. Từ Dương Minh T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: 136 Lê Lợi, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.

5. Chị Thái Thị Kim L, sinh năm 1989 và anh Nguyễn T, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Hẻm 95 Võ Nguyên Giáp, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, Thái Thị Hoàn L đã 03 lần mượn 03 xe mô tô của chị Vũ Thị T để sử dụng, sau đó tự ý mang các xe mô tô này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần thứ 1: Vào khoảng cuối tháng 4/2022, L1 mượn của chị Th chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 36F1-244.34 để sử dụng. Vài ngày sau, do cần tiền tiêu xài nên L1 đã mang xe mô tô này đến tiệm cầm đồ B15 của anh Lê Anh T cầm cố lấy 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), L1 nói với anh T là Th đã đồng ý cho mình cầm cố xe nên anh T đồng ý nhận cầm cố. Ngày 24/6/2022, L1 gọi điện cho anh T nhờ bán chiếc xe mô tô 36F1-244.34, anh T yêu cầu phải có sự đồng ý và hình ảnh căn cước công dân của chủ xe thì mới bán giúp. Lúc này, L1 đang cầm điện thoại của chị Th nên tự ý mở ứng dụng Zalo gửi hình ảnh căn cước của chị Th có sẵn trong điện thoại cho anh T, anh T nghĩ là Th đồng ý bán xe và gửi hình ảnh căn cước cho mình nên ngay sau đó đã lên mạng xã hội đăng bán chiếc xe mô tô 36F1-244.34. Ngày 25/6/2025, L1 đến gặp anh T và viết giấy bán chiếc xe này cho T với giá 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*), cùng ngày, anh T đã bán xe cho khách qua đường (*hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch*) với giá 14.500.000 đồng (*Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*) nên không Th hỏi được, toàn bộ số tiền cầm cố và bán xe L1 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá số 78/KL-HĐ ngày 16/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K kết luận: Giá trị xe mô tô biển số **36F1-244.34** tại thời điểm bị chiếm đoạt là **11.761.000** đồng (*Mười một triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn đồng*).

Lần thứ 2: Vào đầu tháng 6/2022, L1 mượn của chị Th chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 82B1-828.06 (*Ngày 30/5/2022 xe được sang tên di chuyển, cấp biển số mới là 36F1-434.19*) để sử dụng. Ngày 09/6/2022, do cần tiền tiêu xài cá nhân, L1 tự ý mang chiếc xe mô tô này đến tiệm cầm đồ Loan T của chị Nguyễn Thị Kim L để cầm cố lấy số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), L1 nói với chị Loan việc cầm cố xe đã được sự đồng ý của Th nên chị Loan nhận cầm cố. Toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng L1 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá số 47/KL-HĐ ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K kết luận: Giá trị xe mô tô biển số **36F1-434.19** tại thời điểm bị chiếm đoạt là **14.901.000** đồng (*Mười bốn triệu, chín trăm lẻ một ngàn đồng*).

Lần thứ 3: Vào khoảng giữa tháng 6/2022, L1 mượn của chị Th chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila, biển số 82B1-111.90 (*do chị Vũ Thị L đứng tên chủ sở hữu, giao lại cho em gái là Vũ Thị T quản lý, sử dụng*) để đi chở củi. Đến ngày 21/6/2022, do cần tiền tiêu xài cá nhân, L1 đã tự ý mang chiếc xe mô tô này đến tiệm cầm đồ Toàn Hùng của anh Từ Dương Minh T để cầm cố lấy số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm ngàn đồng*), L1 nói với anh Toàn xe mình mua lại của chị Vũ Thị L nhưng chưa sang tên nên anh Toàn đồng ý nhận cầm cố. Toàn bộ số tiền 3.500.000 đồng L1 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá số 38/KL-HĐ ngày 03/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K kết luận: Giá trị xe mô tô biển số **82B1-111.90** tại thời điểm bị chiếm đoạt là **8.500.000** đồng (*Tám triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị T, Vũ Thị L, anh Lê Anh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại; chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng; anh Từ Dương Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường 3.500.000 đồng, hiện bị cáo chưa bồi thường.

Cáo trạng số 07/CT-VKSTPKT ngày 29/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K truy tố bị cáo Thái Thị Hoàn L về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K giữ nguyên tội danh và khung hình phạt đã truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Thái Thị Hoàn L phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt Thái Thị Hoàn L từ 12 đến 18 tháng tù. Bị cáo không có Th nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về TNDS: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Vũ Thị T, Vũ Thị L số tiền 20.000.000đ và những người này không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, liên quan anh Lê Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng; Anh Từ Dương Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường 3.500.000 đồng. Yêu cầu này được bị cáo chấp nhận, nên HĐXX công nhận sự thỏa Thận trên.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Kim L, anh Nguyễn T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 20.000.000 đ đã bồi thường thay cho bị cáo, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giao cho cơ quan Thi hành án phạt tù nơi bị cáo chấp hành án phạt tù tạm giữ 01 chứng minh nhân dân số 233202161 do công an tỉnh K cấp ngày 23/12/2010 mang tên Thái Thị Hoàn L trong thời hạn bị cáo thi hành án phạt tù. Bị cáo được nhận lại chứng minh nhân dân sau khi chấp hành xong án phạt tù.

Đối với chiếc xe mô tô 36F1-244.34 quá trình điều tra không Th hồi được nên không có cơ sở xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để nhận định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, bị cáo đã 03 lần mượn 03 xe mô tô của chị Vũ Thị T để sử dụng, sau đó tự ý mang các xe mô tô này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 35.126.000đ.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì mục đích để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại và đã 03 lần mang tài sản của bị hại đi cầm cố. Bị cáo đủ nhận thức và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân tốt, trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, Th nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Các vấn đề khác: Đối với anh Lê Anh T, chị Nguyễn Thị Kim L, anh Từ Dương Minh T là những người đã nhận cầm cố các xe mô tô 36F1-244.34, 36F1-434.19 và 82B1-111.90. Tuy nhiên, những người này không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người trên.

[6] Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Th giữ được:

- 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter, biển số 36F1- 434.19.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila, biển số 82B1-111.90 và Giấy đăng ký mô tô, xe máy của xe này.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 233202161 mang tên Thái Thị Hoàn L.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 36F1-434.19 là chị Vũ Thị T, chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 82B1-111.90 là chị Vũ Thị L, chị L giao chiếc xe này cho chị Th quản lý và sử dụng. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trả lại các xe mô tô cùng với giấy chứng nhận cho chị Vũ Thị T là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 (Một) chứng minh nhân dân số 233202161 do công an tỉnh K cấp ngày 23/12/2010 mang tên Thái Thị Hoàn L tiếp tục tạm giữ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân.

Đối với chiếc xe mô tô 36F1-244.34 sau khi bị cáo bán chiếc xe này cho T, anh T đã bán xe cho khách qua đường (*hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch*) nên không Th hỏi được. Do đó, không có cơ sở xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Vũ Thị T, Vũ Thị L số tiền 20.000.000đ và những người này không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, liên quan anh Lê Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng; Anh Từ Dương Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường

3.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của chị Loan, anh Toàn nên HĐXX ghi nhận sự thỏa Thận trên.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Kim L, anh Nguyễn T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 20.000.000 đ đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại, nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Thái Thị Hoàn L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Thái Thị Hoàn L 13 (*Mười ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 05/10/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa Thận giữa chị Nguyễn Thị Kim L, anh Từ Dương Minh T với bị cáo Thái Thị Hoàn L:

Buộc bị cáo Thái Thị Hoàn L bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim L **10.000.000 đ** (*Mười triệu đồng*).

Buộc bị cáo Thái Thị Hoàn L bồi thường cho anh Từ Dương Minh T **3.500.000 đ** (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim L và anh Từ Dương Minh T có đơn yêu cầu thi hành án. Bị cáo Thái Thị Hoàn L chậm bồi thường khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm bồi thường tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân.

Giao cho cơ quan Thi hành án phạt tù nơi bị cáo chấp hành án phạt tù tạm giữ 01 chứng minh nhân dân số 233202161 do công an tỉnh K cấp ngày 23/12/2010 mang tên Thái Thị Hoàn L trong thời hạn bị cáo thi hành án phạt tù. Bị cáo được nhận lại chứng minh nhân dân sau khi chấp hành xong án phạt tù.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.; Khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức Th, nộp, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thái Thị Hoàn L phải chịu 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đ (*Tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/02/2023); Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- CA thành phố K;
- Chi cục THADS TP K.
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ VA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ry Thị Mỹ Hoàng

